

Số: 311/2022/QĐ-PT

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 132/2022/QĐST-DS ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 313/2019/TLST-DS ngày 03/12/2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời nhà trả đất*”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long A;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 103, đường C, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2019).

2. Bị đơn: Trần Văn L, sinh năm 1955 (đã chết ngày 28/3/2020)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L gồm:

2.1. Nguyễn Thị B, sinh năm 1955 (vợ ông L);

2.2. Trần Văn A, sinh năm 1989 (con ông L);

2.3. Trần Văn C, sinh năm 1991 (con ông L);

2.4. Trần Văn R, sinh năm 1996 (con ông L);

2.5. Trần Thúy H, sinh năm 1994 (con ông L).

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, anh C, anh R, chị H: Anh Trần Văn A, sinh năm 1989 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền L, nghĩa vụ L quA:

- 3.1. Cao Việt H, sinh năm 1959;
- 3.2. Đinh Thị G, sinh năm 1960;
- 3.3. Nguyễn Thị B, sinh năm 1955;
- 3.4. Trần Thị L, sinh năm 1958 (con ông Q);
- 3.5. Trần Thị H, sinh năm 1962 (con ông Q);
- 3.6. Trần Thị T, (con ông Q);
- 3.7. Trần Thị N, sinh năm 1966 (con ông Q);
- 3.8. Trần Thị A, (con ông Q);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tại đơn kháng cáo ngày 06/5/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không đồng ý với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 132/2022/QĐST-DS ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T (còn viết tắt là Quyết định đình chỉ) và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (viết tắt là Tòa án cấp phúc thẩm) xem xét, giải quyết theo hướng hủy Quyết định đình chỉ.

XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng:

Việc ông Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo ngày 06/5/2022 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng: Vào ngày 12/10/1993 ông T có nhận sAg nhượng diện tích đất từ ông Trần Văn Q (đã chết) khoảng 22.000m², đất tại xã P, huyện T, với giá 3,5 chỉ vàng 24 Kra. Khi làm tờ sang nhượng đất thì ông T có trả 02 chỉ vàng 24 Kra, đến ngày 19/4/1996 trả tiếp 1,5 chỉ vàng 24 Kra cho ông Trần Văn L (con ông Q), nên ông Q và ông L đã tiến hành giao đất cho ông, cụ thể: Phần đất thứ nhất diện tích khoảng 17.000m², đến ngày 21/3/2001 ông T đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp giấy cho hộ bà Lê Thị L (vợ ông T) và phần đất thứ hai diện tích khoảng 2.000m², do chưa xác định được diện tích bờ kênh và lộ giới nên chưa đi đăng ký quyền sử dụng (QSD) đất. Riêng phần đất thứ ba diện tích khoảng 1.000m² thì ông Q và ông L chưa giao. Đến năm 2012 thì ông L sang nhượng phần đất này cho ông Cao Việt H và bà Đinh Thị G để cất (xây dựng) nhà và trồng cây trên đất. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn L tiếp tục giao diện tích đất phần 1.000m² theo “Tờ sang nhượng” giữa ông T với Trần Văn Q và Trần Văn L ký ngày 12/10/1993 và yêu cầu ông H, bà G di dời nhà và cây trồng trên đất. Phía nguyên đơn yêu cầu

Toà án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và yêu cầu di dời nhà trả đất*”, chứ không phải quan hệ “*Tranh chấp QSD đất và yêu cầu di dời nhà trả đất*”.

Trên cơ sở Điều 185; Khoản 3 Điều 150 và Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”. Tòa án nhân dân huyện T (còn viết tắt là Tòa án cấp sơ thẩm) xác định việc sang nhượng đất giữa ông T và ông Q (còn viết tắt là các bên hay hai bên) được xác lập vào năm 1993, hai bên có lập văn bản là “*Tờ nhượng đất ngày 12/10/1993*”, các bên đã thực hiện giao đủ tiền và nhận đất vào năm 1996, phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đã đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2001, nên việc ông T khởi kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện việc giao đất theo “*Tờ nhượng đất ngày 12/10/1993*” là đã hết thời hiệu khởi kiện 03 năm theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự, ngoài ra trong vụ án cũng có đương sự (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q và ông L) có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 132/2022/QĐST-DS ngày 29/4/2022.

Không thống nhất với Quyết định đình chỉ ngày 29/4/2022, ông T đã kháng cáo cho rằng là không đúng, lý do: Quyết định đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ số: 132/2022/QĐST-DS ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] Tại phiên họp, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 132/2022/QĐST-DS ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

[4] Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nêu trên là không có đủ cơ sở. Bởi lẽ, trong vụ án này ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T liên quan đến việc yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L như: bà Nguyễn Thị B (vợ ông L); Anh Trần Văn A; Anh Trần Văn C; Anh Trần Văn R và chị Trần Thúy H (là các con ông L) không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, cho rằng ông Q (ba ông L) và ông L chỉ bán (chuyển nhượng) đất cho ông T theo Tờ nhượng đất ngày 15/10/1993 với diện tích đất là 15 công, tương ứng với diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ Lê Thị Lệ (vợ ông T) là 16.944m² (Lúa), thuộc thửa 32, tờ bản đồ số 01, mà không có bán diện tích đất bờ sáng giáp kênh Phú Đức

(gồm 1.000m² và 2.000m² theo yêu cầu khởi kiện của ông T). Trong đó, phần diện tích đất 1.000m² khi còn sống ông L đã bán cho ông H, bà G theo Tờ nhượng đất nền nhà ngày 21/4/1999 (AI), còn phần diện tích đất 2.000m² còn lại là của ông L thừa hưởng từ ông Q, trên phần đất này ông L có cho bà Lệ xây dựng căn nhà tạm để canh tác trồng lúa và có hiến tặng cho Nhà nước xây dựng trường học trên đất, nên sẽ yêu cầu hộ bà Lệ, ông T trả lại diện tích đất 2.000m², cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn còn tranh chấp về QSD đất để xác định đất tranh chấp là của ai. Ngoài ra, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông H và bà G cho rằng đã mua đất từ ông L, có làm “Tờ nhượng đất nền nhà ngày 21/4/1999 (AI)” gia đình ông, bà đã xây dựng nhà ở từ năm 1999, làm hàng rào, trồng cây ăn quả và có xây các ngôi mộ của gia đình trên đất, nên không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Vì vậy, trong vụ án này các đương sự ngoài việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất như trình bày của nguyên đơn, còn tranh chấp QSD đất và tranh chấp đối với tài sản trên đất.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tranh chấp về QSD đất theo quy định của Luật đất đai không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết toàn bộ vụ án như đã phân tích trên là không có đủ căn cứ và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm cần thụ lý và xem xét giải quyết toàn bộ các quan hệ tranh chấp trong vụ án như nêu trên nhằm đảm bảo giải quyết vụ án được toàn diện, đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[5] Từ cơ sở trên, xét thấy việc kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là có một phần cơ sở, đồng thời Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, nên cần chấp nhận kháng cáo của ông T, hủy Quyết định đình chỉ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp là không có đủ cơ sở như đã phân tích trên, nên không được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

2. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 132/2022/QĐST-DS ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T;

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003661, ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh;
- Phòng KTNV và THANHSA Tỉnh
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Ngô Tấn Lợi